HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Tên học phần: Khoa học chính sách công**
**Mã học phần: CT02059**
**Số tín chỉ: 03**
**Khoa/Bộ môn: Chính trị học/ Chính sách công**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
**KHOA CHÍNH TRỊ HỌC**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

## 1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: Khoa học chính sách công

Tên học phần bằng Anh: Policy Sciece

Mã học phần: CT02059

Loại môn học: Kiến thức cơ sở ngành

Số tín chỉ: 3.0 tín chỉ (45 giờ tín chỉ, trong đó: 25 giờ tín chỉ lý thuyết, 10 giờ tín chỉ thực hành, 10 giờ tín chỉ tự học).

Số tiết học: 75 tiết (trong đó: lý thuyết trực tiếp 15 tiết, lý thuyết trực tuyến 10 tiết, thực hành tại phòng lý thuyết 10 tiết, thực hành tại phòng thực hành 10 tiết, tự học 30 tiết).

Loại học phần: Bắt buộc

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ *(3)*

Môn học tiên quyết: Không

Các yêu cầu khác đối với học phần: *Không*

Bộ môn/Khoa phụ trách: Chính trị học

Văn phòng khoa: phòng 901, A1, Học viện Báo chí-Tuyên truyền, 36, Xuân Thủy, Cầy Giấy, Hà Nội

Người phụ trách: PGS, TS. Nguyễn Xuân Phong

Điện thoại, email: 0967472999/ nguyenxuanphong@ajc.edu.vn

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1. TS. Phạm Thị Hoa; Điện thoại, email: 0977270800/phamthihoa@ajc.edu.vn
2. ThS. Đào Duy Khánh; Điện thoại, email: 0933226629, khanhcth@gmail.com.
3. ThS. Hoàng Liên Hương; Điện thoại, email: 0981618174; lienhuonghoang1991@gmail.com
4. ThS. Vương Đoàn Đức, Điện thoại, email: 0918628985, vuongduc@hotmail.com.

## 2. Mục tiêu của học phần

***2.1. Mục tiêu chung***

Học phần Khoa học chính sách công giúp cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách công, chủ thể chính sách công, phân tích chính sách công, quy trình chính sách công bao gồm: hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện chính sách và đánh giá chính sách.

***2.2 Mục tiêu cụ thể***

*- Kiến thức*:

+ Nắm được những kiến thức tổng quan, cơ bản về chính sách công, khoa học chính sách công

+ Nắm được các giai đoạn trong quy trình chính sách công

+ Hiểu và phân tích được các chức năng cơ bản của hoạch định chính sách, thực hiện chính sách, đánh giá chính sách

*- Kỹ năng*:

+ Rèn luyện năng lực tư duy lí luận.

+ Có khả năng tìm kiếm vấn đề chính sách, xây dựng và lựa chọn các giải pháp chính sách, giám sát thực hiện chính sách, đánh giá sơ bộ kết quả chính sách.

*- Mức tự chủ và trách nhiệm:*

- Năng lực tư duy độc lập, tính kỷ luật trong học tập và nghiên cứu
- Có năng lực làm việc độc lập, theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
- Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

**3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khoa học chính sách công làm rõ những nội dung cơ bản liên quan đến chính sách của Nhà nước, làm rõ việc vận dụng các quy luật, nguyên tắc trong hoạch định các yếu tố tác động đến quá trình tổ chức thực hiện chính sách, các tiêu chí đánh giá chính sách từ đó vận dụng vào nhận thức và phân tích các tình huống chính sách trong thực tế.

***CLO1***: Nắm được những khái niệm cơ bản: chính sách công, chủ thể chính sách, hoạch định chính sách, phân tích chính sách, thực hiện chính sách, đánh giá chính sách.

***CLO2***: Hiểu được các quy luật và các nguyên tắc trong hoạch định chính sách

***CLO3:*** Hiểu và mô tả được các giai đoạn trong tổ chức thực hiện chính sách

***CLO4***: Vận dụng kiến thức về tiêu chí đánh giá để đánh giá kết quả thực hiện chính sách.

***CLO5***: Kỹ năng mềm và thái độ, phẩm chất đạo đức

+ Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm

+ Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu

+ Kỹ năng tư duy hệ thống

+ Sẵn sàng đương đầu với khó khăn; kiên trì, nhiệt tình, say mê sáng tạo.

+ Trung thực, chính trực; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ bạn bè;

+ Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập

+Truyền bá tri thức môn học

**4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy**

| TT | Tuần | Nội dung | Số tiết | | | | | Tự học | CĐR học phần (PLOs) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Lý thuyết | | Thực hành | | | | |
| | | | Trực tiếp | Trực tuyến | Tại phòng lý thuyết | Tại phòng thực hành | Thực địa/ trực tuyến | | |
| 1 | | Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp của khoa học chính sách công | 3 | | **2** | | | 3 | 1, 5 |
| 2 | | Chủ thể, quy trình và phân tích chính sách công | 3 | | 2 | | | 3 | 2, 5 |
| 3 | | Hoạch định chính sách công | 4 | | 1 | | | 3 | 2,5 |
| 4 | | Hoạch định chính sách công | | | | **5** | | 3 | 3,5 |
| 5 | | Tổ chức thực hiện chính sách công | | 5 | | | | 3 | 3,5 |
| 6 | | Đánh giá chính sách công | 5 | | | | | 3 | 3,5 |
| 7 | | Đánh giá chính sách công | | | 5 | | | 3 | 3,5 |
| 8 | | Chính sách công ở Việt Nam | | 5 | | | | 4.5 | 3,5 |
| 9 | | Chính sách công ở Việt Nam | | | | **5** | | 4.5 | 1, 5 |
| **Tổng** | | | **15** | **10** | **10** | **10** | | **30** | |

## 5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

| | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | x | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | x | x | | | | | | | x | X |
| CLO2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | x | x | x | | | | | | | | | x | X |
| CLO3 | | | | x | | x | | | | | | | | | | | | x | X | | | | | | | | | | | x | X |
| CLO4 | | x | | | | | | x | x | | | | | | | | x | | | | | | | x | X | | | | | X | X |
| CLO5 | | | | | | | | | | | | | x | x | x | | | | | | | | | | | x | x | x | | x | X |
| **Tổng hợp học phần** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | | **x** | **x** | | **x** | | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | | **x** | **x** |

## 6. Phương pháp dạy

***Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần***

| **Phương pháp dạy** | **CLOs** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| Giảng lý thuyết | x | | | | x |
| Hỏi đáp | x | | | x | |
| Thảo luận nhóm | | x | x | | x |
| Thảo luận chuyên đề | | | | | x |
| Giải quyết vấn đề | x | x | x | | |
| Thực hành | x | x | x | x | x |
| Bài tập thực hành | x | x | x | x | x |

## 7. Phương pháp học

***Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần***

| **Phương pháp học** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| Nghiên cứu tài liệu | x | x | | | |
| Ghi chép | x | x | | | x |
| Ghi nhớ chủ động | x | x | x | | |
| Phỏng vấn nhanh | x | x | x | x | |
| Lập sơ đồ tư duy | | | x | x | |
| Làm việc nhóm | x | x | x | x | x |
| Thực hành | x | x | x | x | x |
| Học qua trải nghiệm | x | x | x | x | x |

## 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích luỹ được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15

Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Quy định về trọng số điểm: Đánh giá quá trình 20%, đánh giá giữa kỳ 30%, đánh giá cuối kỳ 50%.

- Quy định về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá: Thi vấn đáp.

| Thành phần đánh giá | Hình thức đánh giá | Trọng số |
|---|---|---|
| Đánh giá quá trình | Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên, kết quả tự học | 20% |
| Đánh giá giữa kỳ | Viết bài luận, Thuyết trình, kết quả tự học | 30% |
| Đánh giá cuối kỳ | Thi tự luận/vấn đáp/tiểu luận | 50% |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham dự đầy đủ các buổi học. Sinh viên nghỉ học quá 25% thời lượng các tiết học lý thuyết, vắng các tiết học thực hành; điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt dưới 4 điểm sẽ không được phép tham dự thi/kiểm tra hết môn học.

- Tích cực tham gia chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

- Nộp bài kiểm tra theo đúng thời hạn quy định, nếu nộp muộn phải xin phép giảng viên và phải có lý do chính đáng. Sinh viên nộp bài muộn không có lý do sẽ bị trừ 5% điểm/ngày nộp muộn.

- Không vi phạm quy tắc về đạo văn.

- Tuân thủ theo đúng các quy định trong Quy chế đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**10. Học liệu**

***10.1. Học liệu bắt buộc***

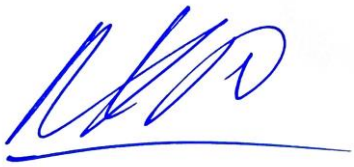
a. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học: *Khoa học chính sách công*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2012.

***10.2. Học liệu tham khảo***

a. Lê Vinh Danh, Chính sách công ở Hoa Kỳ, Nxb Thống kê, 1999

b. Lê Chi Mai: Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách, Nxb ĐHQG TPHCM, 2001.

**c.** Nguyễn Hữu Hải, Giáo trình Hoạch định và phân tích chính sách công, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2004.

| TRƯỞNG KHOA | GIẢNG VIÊN |
| --- | --- |
|  |  |
| **PGS, TS. Nguyễn Xuân Phong** | **TS. Phạm Thị Hoa** |